TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2023/QĐST-DS	*T, ngày 30 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 91/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B

Trụ sở chính: Tầng xxx, xxx, xxx, xxx, xxx tòa nhà T, số xxx đường T, phường T, quận H, TP. H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T – Giám đốc PGD H

Người được ủy quyền: Ông Lê Ngọc T – Cán bộ Ngân hàng (Theo Giấy ủy quyền ngày 21/6/2022).

- Bị đơn:

Ông Nguyễn Quang A, sinh năm 1969

Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Cụm xxx, thôn V, xã V, huyện T, H

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1942 (Là bố đẻ của ông A)

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947 (Là mẹ đẻ của ông A)

Anh Nguyễn Quang M, sinh năm 1997 (Là con đẻ của ông A)

Chị Nguyễn Tú U, sinh năm 2003 (Là con đẻ của ông A)

Cháu Nguyễn Quang H, sinh năm 2007 (Là con đẻ của ông A)

(Cháu H do ông Avà bà T là người đại diện theo pháp luật).

Cùng địa chỉ: Cụm xxx, thôn V, xã V, huyện T, H

- Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà Ng, anh M, chị U:

Ông Nguyễn Quang A, sinh năm 1969

Địa chỉ: Cụm xxx, thôn V, xã V, huyện T, H

(Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 23/12/2022 tại Văn phòng công chứng D, thành phố H, số công chứng: 7971; quyển số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD và Giấy ủy quyền lập ngày 05/01/2023 tại Văn phòng công chứng D, thành phố H, số công chứng: 44; quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Ông Nguyễn Quang A và bà Lê Thị Thu T xác nhận còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B tính đến ngày 12/01/2023 theo các Hợp đồng tín dụng số L11316003/HĐTD/LPBHM ngày 15/01/2016; L11316181/ HĐTD/LPBHM ngày 29/11/2016; HDTD1132018157 ngày 04/7/2018; HDTD1132019127 ngày 17/6/2019 tổng số tiền là **3.084.221.360** đồng. Trong đó, nợ gốc là **2.363.622.939** đồng, nợ lãi là **720.598.421** đồng.

2.2/ Phương thức thanh toán: Ông Nguyễn Quang A và bà Lê Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B theo lộ trình như sau:

2.2.1/ Kể từ tháng 01/2023 đến tháng 11/2024, chậm nhất vào ngày 28 hàng tháng, mỗi tháng ông A, bà T thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 50.000.000 đồng;

2.2.2/ Chậm nhất vào ngày 28/12/2024, ông A, bà T sẽ tất toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần B.

2.3/ Kể từ ngày 13/01/2023, ông Nguyễn Quang A và bà Lê Thị Thu T vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số L11316003/HĐTD/LPBHM ngày 15/01/2016; L11316181/ HĐTD/LPBHM ngày 29/11/2016; HDTD1132018157 ngày 04/7/2018; HDTD1132019127 ngày 17/6/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc này.

2.4/ Trường hợp, ông Nguyễn Quang A và bà Lê Thị Thu T vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại bất kỳ kỳ trả nợ nào theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 28 tại thôn V, xã V, huyện T, H, (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 245437 do Sở tài nguyên môi trường Thành phố H cấp ngày 06/11/2015 đứng tên ông Nguyễn Quang A để thu hồi toàn bộ khoản vay.

2.5/ Về án phí: ông Nguyễn Quang A và bà Lê Thị Thu T phải nộp 46.842.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần B 47.755.000 đồng (*Bốn mươi bẩy triệu, bẩy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2020/0063014 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố H.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Hải